

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04-5-2022

V/v “Tranh chấp về yêu cầu chia tài sản chung và không công nhận là vợ chồng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc.
2. Bà Huỳnh Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Vũ Hoài Phương – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 368/2021/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 về vụ việc: “*Tranh chấp về yêu cầu chia tài sản chung và không công nhận là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 và Thông báo số 68/TB-TA ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng về việc hoãn phiên tòa và thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số 35, đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Bảo S, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Số 35, đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:**

Bà và ông S ly hôn ngày 06/9/2016 tại Tòa án nhân dân huyện Đ. Chỉ giải quyết về ly hôn và con là Nguyễn Thành P. Cháu Nguyễn Thành P do bà L nuôi.

Sau khi ly hôn thì tháng khoảng tháng 7/2017 bà và ông S về sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn và sinh thêm 02 cháu là

Nguyễn Ngọc Bảo P, sinh năm 2018 và Nguyễn Lê Kim N, sinh năm 2021; Hiện hai cháu đang ở với bà.

- Bà yêu cầu Tòa án: Không công nhận bà và ông S là vợ chồng.

- Về yêu cầu chia tài sản chung: Bà rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung giữa bà và ông S. Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về con chung: Bà và ông S có 03 con chung là cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 02/3/2011, cháu Nguyễn Ngọc Bảo P, sinh ngày 13/3/2018 và cháu Nguyễn Lê Kim N, sinh ngày 14/01/2021. Theo quyết định thuận tình ly hôn trước đây của Tòa án nhân dân huyện Đ giao cháu Nguyễn Thành P cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng.

Nay bà yêu cầu được nuôi 03 con chung là cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 02/3/2011, cháu Nguyễn Ngọc Bảo P, sinh ngày 13/3/2018 và cháu Nguyễn Lê Kim N, sinh ngày 14/01/2021.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

** Theo bị đơn ông Nguyễn Bảo S trình bày:*

Bà L và ông ly hôn năm 2016 tại Tòa án nhân dân huyện Đ. Chỉ giải quyết về ly hôn và con là Nguyễn Thành P. Cháu Nguyễn Thành P do bà L nuôi.

Sau khi ly hôn thì cuối năm 2016 ông và bà L về sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Khi về sống chung sinh thêm 02 cháu là Nguyễn Ngọc Bảo P, sinh 13/3/2018 và cháu Nguyễn Lê Kim N, sinh ngày 14/01/2021; Hiện hai cháu đang ở nhà 35, đường L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cùng ông và bà L.

- Ông đồng ý Tòa án: Không công nhận bà L và ông S là vợ chồng.

- Về yêu cầu chia tài sản chung: Bà L rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản giữa bà L và ông S. Ông đồng ý và cũng không yêu cầu chia tài sản chung giữa ông và bà L.

Về con chung: Ông S và bà L có 03 con chung là cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 02/3/2011, cháu là Nguyễn Ngọc Bảo P, sinh ngày 13/3/2018 và cháu Nguyễn Lê Kim N, sinh ngày 14/01/2021. Theo quyết định thuận tình ly hôn trước đây của Tòa án nhân dân huyện Đ giao cháu Nguyễn Thành P cho L chăm sóc, nuôi dưỡng.

Nay ông đồng ý giao 03 con chung là cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 02/3/2011, cháu là Nguyễn Ngọc Bảo P, sinh ngày 13/3/2018 và cháu Nguyễn Lê Kim N, sinh ngày 14/01/2021 cho bà Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến ngày thành niên và ông sẽ có trách nhiệm cùng bà L nuôi dưỡng con chung.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu không công nhận bà L và ông S là vợ chồng. Giữ nguyên việc rút yêu cầu chia tài sản chung giữa bà L và ông S.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L, xử không công nhận bà Lê Thị L và ông Nguyễn Bảo S là vợ chồng. Giao con chung cháu Nguyễn Ngọc Bảo P, sinh ngày 13/3/2018 và cháu Nguyễn Lê Kim N, sinh ngày 14/01/2021 cho bà Lê Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên. Ông Nguyễn Bảo S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung giữa nguyên đơn bà Lê Thị L và bị đơn ông Nguyễn Bảo S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp về yêu cầu chia tài sản chung và không công nhận là vợ chồng” giữa nguyên đơn bà Lê Thị L và bị đơn ông Nguyễn Bảo S. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 06/9/2016, bà L và ông S ly hôn, theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 06 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, bà Lê Thị L nuôi cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 02/3/2011 cho đến ngày con chung thành niên.

Sau khi ly hôn thì khoảng cuối năm 2016 đến đầu năm 2017, bà L và ông S về sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống này ông bà có sinh thêm hai cháu là cháu Nguyễn Ngọc Bảo P, sinh ngày 13/3/2018 và cháu Nguyễn Lê Kim N, sinh ngày 14/01/2021.

Quá trình chung sống không hạnh phúc do ông bà không có sự thông cảm chia sẻ với nhau trong xây dựng hạnh phúc gia đình. Ông bà đã tự chấm dứt sống chung với nhau từ tháng 06/2021 đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, bà L và ông S đều yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng giữa bà L và ông S. Theo quy định của pháp luật thì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông S không được pháp luật công nhận. Do đó, cần tuyên bố không công nhận bà Lê Thị L và ông Nguyễn Bảo S là vợ chồng.

Về con chung: Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 06 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, bà Lê Thị L nuôi cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 02/3/2011

cho đến ngày con chung thành niên. Ông S không có tranh chấp cũng như yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo P, sinh ngày 13/3/2018 và cháu Nguyễn Lê Kim N, sinh ngày 14/01/2021 là con chung của ông S và bà L nên ông bà đều có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà L yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi hai con chung. Ông S đồng ý để bà L nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo P, sinh ngày 13/3/2018 và cháu Nguyễn Lê Kim N, sinh ngày 14/01/2021, ông S không cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, giao bà Lê Thị L nuôi con chung cháu Nguyễn Ngọc Bảo P, sinh ngày 13/3/2018 và cháu Nguyễn Lê Kim N, sinh ngày 14/01/2021 cho đến ngày con chung thành niên. Ông Nguyễn Bảo S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Ngày 17/3/2022, Tòa án nhận được đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L đối với ông Nguyễn Bảo S về việc yêu cầu chia tài sản chung. Tại phiên tòa hôm nay, bà L vẫn giữ nguyên việc rút yêu cầu chia tài sản chung này. Ông S không có yêu cầu khởi kiện độc lập và không có yêu cầu phản tố.

Do đó, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung giữa nguyên đơn bà Lê Thị L và bị đơn ông Nguyễn Bảo S. Trường hợp các bên có tranh chấp thì khởi kiện bằng một vụ án khác theo thủ tục chung của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đất hết 2.000.000đồng. Bà Lê Thị L đã nộp đủ 2.000.000đồng chi phí tố tụng này. Bà Lê Thị L rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung. Do đó, bà Lê Thị L phải chịu chi phí tố tụng này theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Buộc bà Lê Thị L phải chịu 300.000đồng án phí không công nhận là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 232, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị L và ông Nguyễn Bảo S là vợ chồng.

Về con chung: Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 06 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ,

tỉnh Lâm Đồng, bà Lê Thị L tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 02/3/2011 cho đến ngày con chung thành niên.

Giao bà Lê Thị L nuôi con chung cháu Nguyễn Ngọc Bảo P, sinh ngày 13/3/2018 và cháu Nguyễn Lê Kim N, sinh ngày 14/01/2021 cho đến ngày con chung thành niên. Ông Nguyễn Bảo S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, quyền đi lại thăm nom con, quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung giữa nguyên đơn bà Lê Thị L và bị đơn ông Nguyễn Bảo S. Trường hợp các bên có tranh chấp thì khởi kiện bằng một vụ án khác theo thủ tục chung của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về án phí: Buộc bà Lê Thị L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 2.000.000đồng bà Lê Thị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007710 ngày 05/10/2021. Như vậy, hoàn trả cho bà Lê Thị L 1.700.000đồng án phí còn thừa theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007710 ngày 05/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Ủy ban nhân dân thị trấn L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vũ